TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-PT
Ngày 25 – 3 - 2021
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2021/TLPT - HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 284/2020/HNGĐ - ST, ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2021/QĐ - PT ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bích S, sinh năm 1993 (Có mặt).

Nơi ĐKHKTT: Ấp K, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Chổ ở hiện nay: Ấp X, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Lương Tấn L, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Vũ Anh Q – Trợ giúp viên – Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Bích S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Bích S trình bày: Chị S và anh Lương Tấn L tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang vào năm 2011. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh L thường xuyên nhậu say, nhiều lần đánh chị S. Chị có báo chính quyền địa phương, nhưng không có lập biên bản, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nhưng vợ chồng không có biện pháp nào để giải quyết. Chị và anh L đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lương Tấn L.

Về con chung: Có 02 con chung tên: Lương Thị Xuân A, nữ, sinh ngày 09/02/2013 và Lương Trấn T, nam – sinh ngày 17/11/2014, chị S nhường quyền nuôi cháu A cho anh L nuôi dưỡng, chị yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về nợ chung, tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp, sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Bị đơn anh Lương Tấn L trình bày: Bị đơn thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về phần hôn nhân, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, bị đơn, còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, nếu chị S giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về nợ chung, tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về con chung: Anh L yêu cầu nuôi hai con chung Lương Thị Xuân A (giới tính nữ), sinh ngày 09/02/2013 và Lương Trấn T (giới tính nam), sinh ngày 17/11/2014 và không yêu cầu chị S cấp dưỡng.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 284/2020/HNGĐ - ST, ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Bích S được ly hôn với anh Lương Tấn L.

Về con chung: Giao cháu Lương Thị Xuân A (giới tính nữ), sinh ngày 09/02/2013 và Lương Trấn T (giới tính nam), sinh ngày 17/11/2014 cho anh

Lương Tấn L nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nên chị S chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chị Nguyễn Bích S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

Ngày 30/11/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Bích S có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và yêu cầu giao cháu Lương Trấn T cho chị S được nuôi dưỡng và không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là ông Vũ Anh Q Trợ giúp viên – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hậu Giang đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bởi vì hai cháu Lương Thị Xuân A (giới tính nữ), sinh ngày 09/02/2013 và Lương Trấn T (giới tính nam), sinh ngày 17/11/2014 đã gắn bó với nhau từ nhỏ. Nguyên đơn đang là lao động phổ thông tại Đồng Nai, không có chổ ở ổn định. Hiện tại cháu A và cháu T đang học cùng trường, cùng lớp ở gần nhà nên tiếp tục giao hai cháu cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh L sẽ tạo mọi điều kiện để chị S thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Bích S, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Bích S khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Lương Tấn L, yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng theo qui định pháp luật. Bị đơn cư trú tại ấp K, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết với quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" là đúng qui định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/11/2020, chị Nguyễn Bích S có đơn kháng cáo đúng qui định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Bích S

Chị S cho rằng chị và anh L có mức thu nhập ngang nhau, nên chị cũng có quyền và đủ khả năng nuôi dưỡng con. Chị yêu cầu được nuôi cháu Lương Trấn T, còn đối với cháu Lương Thị Xuân A chị đồng ý giao cho anh L nuôi.

Trong thời gian chung sống với nhau chị S và anh L có 02 con chung là cháu Lương Thị Xuân A (giới tính nữ), sinh ngày 09/02/2013 và Lương Trấn T (giới tính nam), sinh ngày 17/11/2014. Trong vụ án này giữa anh L và chị S đều có yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và chưa có yêu cầu cấp dưỡng.

[3.1] Đối với cháu Lương Thị Xuân A, sinh ngày 09/02/2013, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Lương Xuân A đã đủ 07 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh L và chị S sống ly thân cho đến nay, anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Thị Xuân A và vẫn đảm bảo quyền và lợi ích cho trẻ, cháu A do anh L trực tiếp nuôi dưỡng đã ổn định. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy ý kiến của cháu, cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Chị S đồng ý giao cháu A cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh L được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là phù hợp.

[3.2] Đối với cháu Lương Trấn T, sinh ngày 17/11/2014, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu T chưa đủ 7 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định " *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*".

Xét điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng: Anh L và chị S đều có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Trong quá trình chung sống, khi vợ chồng anh L và chị S phát sinh mâu thuẫn thì chị S đã đem cháu Xuân Anh và Trấn Thành đi khỏi nhà, sau đó lại bị anh L đưa hai cháu về nuôi dưỡng cho đến nay. Hiện tại, cháu Thành đã quen với điều kiện, môi trường sống và được anh L nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt nhất. Cháu T đang học cùng lớp 1 với cháu A tại Trường Tiểu học T 3, xã T, huyện V (Do sự tranh chấp giành quyền nuôi con của anh L và chị S đã làm bé A học trể một năm). Nếu giao cháu T cho chị S nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu T.

Nếu sau này, anh Lương Tấn L không đảm bảo đủ điều kiện về kinh tế để nuôi hai cháu thì anh L có quyền yêu cầu chị S cấp dưỡng để nuôi con. Tuy nhiên, nếu anh L không đủ điều kiện để đảm bảo mọi mặt cho hai cháu phát triển thì chị S vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện đánh giá chứng cứ về điều kiện cũng như môi trường học tập và sinh sống của cháu T và quyết định tiếp tục giao cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ.

[4] Xét thấy, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy việc kháng cáo của chị Nguyễn Bích S là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ. Tuy nhiên, xét mọi mặt về điều kiện học tập và sinh sống của cháu Lương Xuân A và cháu Lương Trấn T nên tạo điều kiện để hai cháu được sống cùng với nhau để các cháu lớn cùng nhau, học tập và phát triển khi cha mẹ đã ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí dân sự phúc thẩmnguyên đơn chị Nguyễn Bích S phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Bích S.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Bích S.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Bích S được ly hôn với anh Lương Tấn L.

Về con chung: Giao cháu Lương Thị Xuân A (giới tính nữ), sinh ngày 09/02/2013 và Lương Trấn T (giới tính nam), sinh ngày 17/11/2014 cho anh Lương Tấn L nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nên chị S chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chị Nguyễn Bích S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Bích S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai số 0003494 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí.

3.2. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Buộc chị Nguyễn Bích S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003636 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 25/3/2021.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Phượng